TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 505/2019/DS-PT
Ngày: 22 -10 - 2019
V/v: "Tranh chấp lối đi chung, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Nguyễn Đắc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 413/2019/TLPT–DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp lối đi chung, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2279/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Phú B, sinh năm: 1965 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 7, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị C, sinh năm: 1954 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 7, ấp H, thị tr ấn A, huyện C, tỉnh An Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ủy ban nhân dân huyện C (vắng mặt).

2/ Bà Hồ Thị Kim H, sinh năm: 1959 (vắng mặt)

3/ Ông Hồ Phước L, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Ông Hồ Phước L ủy quyền cho ông Hồ Phú B, theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2016

4/ Ông Hồ Văn H1, sinh năm: 1979 (có mặt)

5/ Ông Hồ Văn N, sinh năm: 1982 (có mặt)

6/ Bà Hồ Thị Mỹ C, sinh năm: 1961 (vắng mặt)

7/ Ông Hồ Văn C1, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

8/ Bà Hồ Thị T, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

9/ Bà Hồ Thị Kim H2, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

10/ Bà Hồ Thị Kim C2, sinh năm: 1945 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

11/ Bà Nguyễn Thị Q (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Q, gồm: Bà Hồ Thị Kim C2, bà Hồ Thị Kim H, ông Hồ Phước L2 (chết), ông Hồ Văn K (chết), bà Hồ Thị Mỹ C, ông Hồ Phú B.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Hồ Phú B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai các phiên hòa giải nguyên đơn ông Hồ Phú B trình bày:

Khi cha mẹ ông còn sống, có tạo lập được diện tích đất khoảng 3.000m^2 và cha mẹ đã phân chia cho anh em mỗi người một phần để cất nhà ở, có người ở mặt trước, có người ở sau hậu, và cha mẹ có chừa ra một lối đi chung (để đi vào phần mộ của dòng họ), có điện tích ngang 1,6m, dài 87,6m. Việc phân chia đất có làm tờ chia đất cho các con ngày 16/10/2000.

Trong phần diện tích đất 3.000m^2 này có của ông Hồ Văn K (chết năm 2011), liền kề sát ranh phần đất nền mộ cũng sử dụng để làm lỗi đi chung này, sau khi ông K chết thì vợ ông K là bà Phạm Thị C và con là Hồ Văn N rào chắn và cất nhà chắn ngang lối đi chung này. Các anh chị, em ông có ý kiến thì bà C, ông N cho rằng phần dất lối đi chung này thuộc sở hữu của bà C và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại anh, chị, em ông không còn lối đi ra khu mộ nữa, vì vậy ông yêu cầu bà C, ông N phải tháo dở hàng rào lưới B40 để trả lại lối đi chung có diện tích ngang l,6m, dài 87,6m, tổng diện tích là 139,2m^2, theo tờ phân chia đất do cha mẹ lập ngày 16/10/2000.

Bị đơn bà Phạm Thị C trình bày:

Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì phần diện tích đất 526,3m^2 bà và chồng (ông Hồ Văn K, chết năm 2011) được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02373/aĐ ngày 27/4/2006. Nguồn gốc đất do cha mẹ chồng cho. Hiện tại, trong phần diện tích đất này bà C đã chia cho con bà là ông Hồ Văn N cất nhà ở cặp vách nhà bà, còn ông Hồ Văn H1 thì ở chung trong nhà với bà, ngoài ra có chừa lối đi chung cho gia đình bà đi ra đường lộ nông thôn, có chiều ngang 3m, dài khoảng 50m (hiện tại bà đã làm hàng rào) và đã sử dụng ổn định từ trước đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị Kim C2, bà Hồ Thị Mỹ C, ông Hồ Phước L cùng trình bày:

Các ông bà thống nhất lời trình bày của ông Hồ Phú B về nguồn gốc đất của ông K1, bà Q (cha mẹ các ông bà). Ngày 16/10/2000, cha mẹ đã làm tờ phân chia đất cho các anh, chị, em, trong đó có chừa ra lối đi chung để ra khu mộ, có chiều ngang 1,6m, dài 87,6m. Sau ông K chết, bà C, ông N cất nhà và rào chắn làm cắt ngang lối đi chung này. Khi các anh, em có ý kiến thì bà C cho rằng phần đất lối đi này thuộc quyền sử dụng của bà và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại không còn lối đi chung để ra khu mộ. Vì vậy, các anh, em yêu cầu bà C chừa ra lối đi chung ngang 1,6m, dài 87,6m để đi ra khu mộ của ông bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

Căn cứ Điều 34; khoản 1 Điều 37; Điều 74; Điều 143; Điều 144; Điều 146; Điều 147; Điều 160; Điều 161; Điều 162 Bộ luật tô tụng Dân sự năm 2015. Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 10/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tôi cao quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Phú B khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị C phải trả lại lối đi chung có diện tích ngang 1,6m, dài 87,6m giáp với nhà ông B để làm lối đi ra khu mộ của gia đình và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà C, ông K.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/6/2019 nguyên đơn ông Hồ Phú B kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới tại cấp phúc thẩm, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án .

Phần tranh luận:

Ông Hồ Phú B trình bày: Cha ông đã chia đất thành 6 phần cho các con, có chừa đường đi để vào phần đất mộ của ông bà, nhưng khi đăng ký quyền sử dụng đất ông K bà C không thể hiện lối đi nên trong giấy tờ không có. Sau khi ông K mất thì phía bà C rào lại không cho các anh chị em đi nên yêu cầu bà C trả lối đi để có đường đi vào mộ ông bà.

Bà Phạm Thị C, ông Hồ Văn N, ông Hồ Văn H1 vẫn giữ nguyên lời trình bày trước đây tại cấp sơ thẩm, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Về nội dung giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ các chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Trên cơ sở các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết Tòa cấp sơ thẩm đã nhận định và đưa ra phán quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật. Phía nguyên đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trên cơ sở các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ việc được xác định như sau:

Ngày 16/10/2000 cha mẹ ông Hồ Phú B có làm tờ phân chia đất cho các con, trong đó có chừa lối đi chung để vào phần mộ của gia đình có diện tích ngang 1,6m, dài 87,6m. Nguyên đơn cho rằng sau khi ông Hồ Văn K (chồng bị đơn) chết, bà C đã rào chắn lối đi làm cho các anh, chị, em của ông không còn lối đi vào mộ, nên khởi kiện yêu cầu bà C trả lại diện tích lối đi này. Bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp bị đơn đã sử dụng ổn định, đã được Uỷ ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, phần đất này bị đơn đã chia lại cho các con sử dụng. Các anh, chị, em đều có lối đi ra mộ chứ không phải không có lối đi như nguyên đơn trình bày.

[3] Căn cứ các chứng cứ thu thập Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định:

Nhà ông B và ông K, bà C giáp ranh với nhau. Ông B xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005. Ông K, bà C xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006. Khi đăng ký quyền sử dụng đất, các bên đương sự đều không thể có lối đi chung giữa 2 nhà. Ngày 10/10/2005, ông B viết tờ cam kết có cất nhà lấn qua phần đất của ông K, bà C.

Theo biên bản thẩm định ngày 11/9/2017, thể hiện phần đất của ông B giáp ranh với bà C có đoạn dài 3,2m, ông B đã xây tường rào và lưới B40. Kết thúc đoạn 3,2m bên trái có lối đi ra khu mộ, hộ của ông Hồ Văn C1 phía sau

cũng đi ra ngoài lộ thông qua lối đi này. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C, các anh chị em cũng xác nhận phía bà C, không có ngăn cản anh chị em vào thăm mộ qua lối đi trong phần đất nhà bà. Cụ thể là khi cụ Q chết bà vẫn tạo điều kiện đường đi ra sau mộ chôn cất cụ Q. Việc ông B cho rằng bà C rào chắn lối đi làm ông không thể ra thăm mộ gia tộc là không có căn cứ.

Ông B trình bày không có ký tên vào biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất. Tuy nhiên, theo kết luận Giám định số 793/KLGĐ-PC09 ngày 21/01/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang thì không đủ cơ sở xác định chữ ký của ông B có cùng một người ký ra hay không. Do đó, ông B cho rằng không biết việc ông K, bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa đủ cơ sở. Uỷ ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02373/aĐ ngày 27/4/2006 cho ông K, bà C là đúng quy định pháp luật, nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn của ông B là không có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Nhận định của Tòa án cấp phúc thẩm:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Tóa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, nhận định và phán xử có căn cứ đúng pháp luật. Ông B kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại lối đi chung có diện tích ngang 1,6m, dài 87,6m và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm như theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

Án phí dân sự phúc thẩm, đương sự có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tôi cao quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Hồ Phú B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ Điều 34; khoản 1 Điều 37; Điều 74; Điều 143; Điều 144; Điều 146; Điều 147; Điều 160; Điều 161; Điều 162 Bộ luật tô tụng Dân sự năm 2015. Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 10/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Phú B yêu cầu bà Phạm Thị C phải trả lại lối đi chung có diện tích ngang 1,6m, dài 87,6m giáp với nhà ông B để làm lối đi ra khu mộ của gia đình và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02373/aĐ ngày 27/4/2006 đã cấp cho bà Phạm Thị C, ông Hồ Văn K.

Về chi phí tố tụng: Ông Hồ Phú B phải chịu 4.500.000 đồng chỉ phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và chỉ phí giám định chữ ký, ông B đã tạm ứng và quyết toán xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Phú B phải chịu 200.000 đồng, được khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0000262 ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

[2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Phú B phải chịu, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004204 ngày 04/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- NĐ (1);
- BĐ (1);
-NLQ (10);
- Lưu (10) 27b (Án39).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên